

**PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC TRI**  
Viện Nghiên cứu phát triển giáo dục

**L**oài người đã bước vào thế kỉ XXI - thế kỉ của nền kinh tế tri thức, trong đó tri thức là nguồn lực quyết định sự phát triển và tăng trưởng kinh tế. Nước ta, trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phải đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ cực kì quan trọng là: Chuyển biến từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp và tận dụng cơ hội "đi tắt đón đầu" để đi thẳng vào những ngành sử dụng công nghệ cao của nền kinh tế tri thức. Cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học - công nghệ và xu thế hội nhập, cạnh tranh gay gắt của thế giới ngày nay, hai nhiệm vụ đó đặt ra những đòi hỏi mới và những thách thức to lớn đối với sự phát triển GD-ĐT, trước hết và đặc biệt là đối với giáo dục đại học (GDĐH).

Việc nâng cao chất lượng GDĐH ở nước ta trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi phải đổi mới tổ chức quá trình đào tạo ĐH, đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) ở ĐH. Trong những năm gần đây, vấn đề đổi mới PPDH ở nước ta đã được Đảng, Nhà nước cũng như các cấp quản lí GD rất quan tâm và được thể hiện ở nhiều văn bản quan trọng. *Nghị quyết TW2* (Khoa VIII) đã chỉ rõ: "Đổi mới mạnh mẽ PP giáo dục-đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các PP tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình dạy-học, bảo đảm điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên đại học..." (1); *Chi thị 15* (ngày 20/4/1999) của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc đẩy mạnh hoạt động đổi mới PP giảng dạy và học tập trong các trường sư phạm, v.v...

Tuy nhiên, trong thực tiễn, việc thực hiện đổi mới PPDH còn gặp nhiều khó khăn, cản trở ở tất cả các cấp, bậc học, nhất là ở các cơ sở GDĐH ngoài hệ thống sư phạm/sư phạm kĩ thuật. Có những khó khăn khách quan (về cơ sở vật chất, về các nguồn lực cho bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ...) nhưng cũng có nhiều khó khăn, cản trở chủ quan (ở cán bộ quản lí, ở bản thân các GV, về tổ chức, chỉ đạo, điều hành...).

Theo phương hướng mà *Nghị quyết TW2* (Khoa VIII) và *Chiến lược phát triển GD 2001-2010* đã vạch ra, cùng hoà nhập vào xu thế đổi mới PPDH

đang diễn ra sôi nổi khắp nơi trên thế giới, việc đổi mới PPDH đại học ở nước ta cần được xúc tiến mạnh mẽ hơn nữa trên cơ sở *những quan niệm đầy đủ và thống nhất về đổi mới PPDH* cũng như những giải pháp phù hợp, khả thi, khắc phục những khó khăn, cản trở nói trên. Trong bài viết này, tác giả xin tham gia trao đổi một vài ý kiến về vấn đề này.

*Thứ nhất, quan niệm về đổi mới PPDH.* Đổi mới là sự *sửa đổi cái cũ hoặc thay thế cái cũ bằng cái mới*. Một số người cho rằng đổi mới PPDH tức là thay PPDH cũ bằng PPDH mới. Tuy nhiên, thật khó có thể xác định được mốc thời gian để phân định được PP nào là cũ, PP nào là mới. Trong các lĩnh vực của thực tế đời sống xã hội, đổi mới là cả một quá trình, trong đó có một giai đoạn quá độ, chuyển dịch (transition). Đổi mới PPDH không có nghĩa là ngay lập tức và hoàn toàn thay thế các PPDH truyền thống bằng những PPDH hiện đại mà là việc tìm ra những phương án sử dụng kết hợp và linh hoạt các PPDH hiện có (cả cũ và mới) theo những mô hình mới phù hợp với đổi tượng người học, môi trường và điều kiện dạy học, hướng vào người học, giúp họ chủ động, tích cực và sáng tạo trong quá trình học tập nhằm đạt được mục tiêu đào tạo. Đồng thời, đổi mới PPDH là phải từng bước tìm cách chuyển giao cho người học "chìa khoá" về PP để tiếp tục học tập, nhận thức và hành động trong hoạt động thực tiễn sau này. Điều này cần phải được nhận thức đúng và thực hiện phù hợp, hàm chứa sức tích trong việc đổi mới PPDH ở nhiệm vụ "đạy phương pháp" của nhà trường đại học.

Mặt khác, nhiều nhà sư phạm đã có quan điểm rất thuyết phục rằng, không nên phân biệt PP cũ và PP mới bởi vì dù PP cũ hay PP mới thì chúng cũng đều là sản phẩm hợp lí của một thời kì; đều có mặt mạnh, mặt yếu nhất định và đều cần phải được vận dụng sao cho có hiệu quả. PP mới hay cũ đều có thể sử dụng lồng ghép với nhau như một sự thực hiện đồng bộ, sáng tạo của người dạy, người học với yêu cầu "lược" lại những giá trị còn ý nghĩa với thời gian (1). Đồng thời, cũng không nên cứ đoán coi một PP nào là "thống soái", là "van năng", như đã từng thấy.

*Thứ hai, việc đổi mới PPDH phải được thực hiện triệt để hơn nữa ở cấp độ lí luận dạy học (LTDH) bộ môn.* PPDH là cách thức phối hợp hành động cụ thể của một giảng viên cụ thể với một hoặc nhiều sinh viên trong một tình huống cụ thể

ở một giáo trình bộ môn. Điều đó nói lên rằng, chỉ khi thực thi việc dạy - học một nội dung học tập cụ thể của bộ môn, người ta mới "nhìn thấy" được PPDH. lúc này PPDH không thể hiện là các PP đơn lẻ, độc lập, tách biệt nhau mà nó là một thể thống nhất nhất định của hai hoặc nhiều PP đơn lẻ. PP không phải là giáo điều mà là con đường nhận thức đầy sáng tạo không có sẵn cho mọi người, nhưng lại tạo điều kiện cho mọi người sáng tạo. Và như vậy, với mô hình lí thuyết thì PPDH có những đặc tính chung, khái quát và khách quan đối với mọi GV, nhưng khi được vận dụng vào tình huống cụ thể (bao gồm trong đó: GV, HS, SV, nội dung, điều kiện, phương tiện,... cụ thể) thì nó lại còn mang thêm những dấu ấn sáng tạo riêng, nghệ thuật riêng cùng với hệ thống các kĩ thuật dạy học của mỗi GV.

Khi GV đã xác định sử dụng một PPDH phù hợp nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của bài học thì PPDH đó có liên quan đến hàng loạt các hoạt động khác nhau như tổ chức lớp học, hoạt động của GV, HS, SV như thế nào. Đó chính là vấn đề *kĩ thuật dạy học* (KTDH). Ở trình độ phân tích "tế bào" đối với quá trình dạy học (QTDH) môn học như vậy, tức là ở trình độ biểu đạt QTDH bằng các đối tượng, sự vật, các nhiệm vụ nhận thức đã đề ra, các biện pháp dạy học của GV, các hành động học tập của HS, SV, thì PPDH là những phương thức (cách thức) liên hệ qua lại của các biện pháp dạy, hành động học trong quá trình giải quyết nhiệm vụ nhận thức.

KTDH liên quan đến thành công hay thất bại của thực hành sư phạm. GV có thể tự đào tạo về kĩ thuật dạy học, dù là với hình thức đào tạo nào. Thật là sai lầm khi cho rằng chỉ có những kĩ thuật liên quan đến công nghệ mới như sử dụng phương tiện nghe-nhìn, đa phương tiện,.... mới cần phải học, còn các kĩ thuật liên quan đến cá nhân GV và HS, SV thì không cần phải học mà sẽ làm chủ được một cách tự phát. Trong thực tế, mọi kĩ thuật đều đòi hỏi phải sử dụng công cụ: công cụ dưới dạng vật chất (phương tiện nghe - nhìn, phương tiện dạy học,...), công cụ dưới dạng con người (GV, HS, SV, nhóm HS, SV,...). Tìm cách mô tả tổng thể các kĩ thuật đó, tức là tìm cách dân dụng toàn bộ những gì có thể làm trung gian cho GV sử dụng để giúp cho HS, SV tiếp thu nội dung học tập (2), (3).

Mỗi PPDH có thể vừa đòi hỏi kĩ thuật ưu tiên, vừa sử dụng những kĩ thuật khác nhưng không phải vì thế mà nó bị biến chất. Có thể có hai dạng quan hệ giữa PPDH và KTDH:

- PPDH là nguyên tắc chỉ đạo làm cho hệ KTDH trở nên mạch lạc và thống nhất với nhau. Trong trường hợp này, hệ KTDH cấu thành một PPDH:

- PPDH chỉ đơn giản là sự khái quát hóa một KTDH có thể đặc biệt thích hợp với một loại HS, SV hay với việc học nào đó;

Ở cấp độ LLDH, PPDH hầu như chỉ tồn tại dưới dạng mô hình lí thuyết. Nó chỉ có tác dụng khi được đem vào sử dụng trong tình huống dạy - học cụ thể. Thông thường, mỗi GV ở ĐH phụ trách giảng dạy một môn học/giáo trình hoặc cũng có thể một vài môn học/giáo trình. Điều đó đòi hỏi mỗi và mọi GV phải tiến hành đổi mới PPDH một cách cụ thể ngay trong bộ môn mình phụ trách, tức là đổi mới hệ PP của bộ môn theo quan niệm mới.

*Thứ ba, khả năng của hệ thống đảm bảo chất lượng đào tạo (trước hết và đặc biệt phải kể đến đội ngũ GV) đều không theo kịp sự tăng quy mô SV.* Số liệu thống kê cho thấy tỉ lệ bình quân SV trên GV đã tăng từ 6,9 năm 1990 lên 19 năm 1995 và 30 năm 1999, trong khi định mức chung là 8 SV/GV. Ở một số khối trường tỉ lệ này lại rất cao như khối trường Kinh tế - Luật: 71, khối trường Khoa học xã hội: 51, khối trường Khoa học tự nhiên: 31.... GV ĐH ở nước ta phải dạy quá nhiều giờ, học nữa, nhiều GV phải chạy số tiết dạy ở các cơ sở GDĐH khác hoặc thậm chí phải làm những công việc không liên quan gì tới chuyên môn để tăng thu nhập, vì vậy không còn thời gian để nghiên cứu, học tập bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

Ở các trường SP/SPKT có thuận lợi trong việc nghiên cứu và triển khai đổi mới PPDH ở cả hai cấp độ trên do lợi thế là trường SP với các bộ môn LLDH đại cương và LLDH bộ môn ở các khoa. Trong khi đó, các cơ sở GDĐH khác ngoài hệ thống SP không có bất cứ đơn vị nào về lĩnh vực PPDH. Thông thường, GV được chuẩn hoá bằng một khoá bồi dưỡng GDĐH ngắn hạn, trong đó nội dung bồi dưỡng nâng lực về PPDH lại quá ít ỏi.

Ở nhiều trường ĐH hiện nay, không ít GV chưa có quan niệm và ý thức đầy đủ về tầm quan trọng của PPDH, chưa thật quan tâm và hầu như không có động lực trong việc đổi mới PPDH. Hơn nữa, các cấp quản lí GDĐH, nhất là ở cấp trường ĐH thiếu sự quan tâm tổ chức, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra đánh giá trong việc đổi mới PPDH cũng như chưa tạo điều kiện và có cơ chế chính sách chế độ cho GV trong việc này.

Như vậy thì làm sao các GV có thể đổi mới PPDH ở cấp độ bộ môn mình phụ trách một cách thành công?

*Thứ tư, để thực hiện việc đổi mới PPDH ở ĐH, cùng với việc đổi mới các chương trình đào tạo thông qua việc xây dựng khung chương trình và chương trình khung cho các ngành/chuyên ngành đào tạo, tăng cường các nguồn lực cho đào tạo,... mà Bộ GD và ĐT đã và đang chỉ đạo, tổ chức thực hiện, các cấp quản lí GDĐH và các cơ sở GDĐH cần coi trọng hơn nữa việc đổi mới PPDH thông qua các chính sách phù hợp, một mặt tạo điều*

*(Xem tiếp trang 4)*

# Một số ý kiến...

(Tiếp theo trang 2)

kiện nâng cao hiểu biết và năng lực thực hành sư phạm của đội ngũ GV, mặt khác khuyến khích một cách thiết thực nhằm cải thiện động lực của họ trong việc đổi mới PPDH.

Theo chúng tôi, nghiên cứu, học tập kinh nghiệm về sự vận dụng và đổi mới PPDH của các trường ĐH trong khu vực và trên thế giới là việc làm cần thiết, mang ý nghĩa "thuyết phục" đối với chúng ta, đồng thời cũng là con đường tắt và có hiệu quả.

Ở các trường ngoài hệ thống SP/SPKT, cần thiết lập một đơn vị hay nhóm công tác chuyên về bồi dưỡng cho đội ngũ GV về PPDH và đổi mới PPDH nằm trong Khoa sau đại học hoặc Trung tâm đào tạo bồi dưỡng sau đại học. Cần củng cố và tăng cường hơn nữa sự hiểu biết về PP luận đổi mới GD, đổi mới PPDH đối với cán bộ quản lý các cấp trong trường, đội ngũ GV và kể cả SV, làm cho họ nhận thức được một cách sâu sắc rằng sự đổi mới PPDH có quan hệ hữu cơ biện chứng với các yếu tố trong quá trình dạy học, với quá trình nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng, tu bồi dưỡng, đồng thời gắn bó chặt chẽ với việc đổi mới PP học tập, nghiên cứu của SV. Trên cơ sở đó, từng bước tiến hành nghiên cứu và triển khai các LLDH/PPDH bộ môn. □

## Tài liệu tham khảo

1. Đảng cộng sản Việt Nam - Văn kiện Hội nghị lần thứ hai BCHTW Khóa VIII. NXB Chính trị quốc gia, H, 1997
2. Nguyễn Thanh Hùng: "Đổi mới PPDH ngữ văn ở Đại học Sư phạm". Tạp chí Giáo dục số 42, tháng 10/2002